

Số: **41** /2018/QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày **20** tháng **12** năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế đấu thầu, đặt hàng, giao kế hoạch thực hiện sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hải Phòng.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích;

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Văn bản số 45/TTr-KHĐT ngày 18/9/2018, số 2672/KHĐT-DN ngày 11/12/2018; Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp số 48/BCTĐ-STP ngày 05/9/2018, số 1894/STC-XD&KTVB ngày 10/12/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế đấu thầu, đặt hàng, giao kế hoạch thực hiện sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hải Phòng.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2019 và thay thế Quyết định số 1990/2016/QĐ-UBND ngày 14/9/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng ban hành Quy chế đấu thầu, đặt hàng, giao kế hoạch thực hiện sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hải Phòng.


Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc các Sở, ban, ngành thành phố; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Hải Phòng; Cục trưởng Cục

Thuế Hải Phòng; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: /

- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Cục Kiểm tra VBQPPL-BTP;
- TT TU, TT HĐND thành phố;
- CT, các PCT UBND thành phố;
- Đoàn ĐBQH TP Hải Phòng;
- Như Điều 3,
- Sở Tư pháp;
- Công TTĐTTP, Công báo TP;
- C,PVP;
- Các CV UBND TP;
- Lưu VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Tùng

QUY CHẾ

Đấu thầu, đặt hàng, giao kế hoạch thực hiện sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hải Phòng
(Ban hành kèm theo Quyết định số 41 / 2018/QĐ-UBND ngày 20 / 12 / 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này hướng dẫn về đấu thầu, đặt hàng, giao kế hoạch thực hiện sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hải Phòng.

2. Trường hợp văn bản pháp luật chuyên ngành có quy định riêng về đấu thầu, đặt hàng, giao kế hoạch thực hiện sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích khác với quy định tại Quy chế này thì áp dụng quy định tại các văn bản pháp luật chuyên ngành đó. Các nội dung khác không quy định tại Quy chế này thì thực hiện theo quy định tại Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích; Luật Đấu thầu năm 2013; Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, hợp tác xã đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật, tổ chức, cá nhân đăng ký hoạt động hợp pháp có sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích (sau đây gọi chung là nhà sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích hoặc nhà thầu trong trường hợp tham gia đấu thầu thực hiện sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích theo quy định của pháp luật về đấu thầu).

2. Các cơ quan, tổ chức có liên quan đến việc tổ chức thực hiện và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích.

Điều 3. Nguyên tắc đấu thầu, đặt hàng, giao kế hoạch thực hiện sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích

1. Đảm bảo công khai, minh bạch, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

2. Việc lựa chọn nhà thầu, nhà sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích phải thực hiện theo đúng các quy định pháp luật nhà nước về đấu thầu, đặt hàng, giao kế hoạch sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích.

3. Nhà thầu, nhà sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích được lựa chọn không được chuyển giao công việc cho đơn vị khác khi chưa được sự chấp thuận của người có thẩm quyền và đơn vị được giao nhiệm vụ tổ chức đấu thầu, đặt hàng, giao kế hoạch theo quy định tại Quy chế này.

Điều 4. Quy trình lựa chọn nhà thầu, nhà sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích; Thời gian thực hiện hợp đồng sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích

1. Quy trình lựa chọn nhà thầu, nhà sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích:

a) Lập, trình thẩm định, phê duyệt Kế hoạch sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích.

b) Lập, trình thẩm định, phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với trường hợp lựa chọn nhà thầu theo phương thức đấu thầu; Lập, trình thẩm định hồ sơ đặt hàng, phê duyệt đặt hàng đối với trường hợp lựa chọn nhà sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích theo phương thức đặt hàng; Phê duyệt giao kế hoạch đối với trường hợp lựa chọn nhà sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích theo phương thức giao kế hoạch.

c) Tổ chức lựa chọn nhà thầu sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích đối với trường hợp lựa chọn nhà thầu theo phương thức đấu thầu.

d) Ký kết hợp đồng với nhà thầu, nhà sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích.

2. Thời gian thực hiện hợp đồng sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích:

a) Thời gian thực hiện hợp đồng sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích tối đa 03 năm; riêng đối với dịch vụ thoát nước đô thị, thời gian thực hiện hợp đồng tối đa 05 năm (phân chia chi tiết theo từng năm làm cơ sở thanh toán, quyết toán theo niên độ ngân sách).

b) Tùy theo tình hình thực tế, quy mô, tính chất của từng sản phẩm, dịch vụ công ích, các Sở chuyên ngành quản lý trong lĩnh vực công ích quyết định thời gian thực hiện hợp đồng sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích cho phù hợp.

Điều 5. Kế hoạch sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích

1. Kế hoạch sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích gồm các nội dung chủ yếu sau:

- a. Tên sản phẩm, dịch vụ công ích;
- b. Số lượng; khối lượng;
- c. Thời gian, địa bàn cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích;
- d. Dự toán kinh phí cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích;
- đ. Phương thức cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích.

2. Kế hoạch sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích được điều chỉnh trong trường hợp cần thiết hoặc trường hợp có sự biến động, thay đổi lớn về nội dung so với kế hoạch đã phê duyệt để phù hợp với tình hình thực tế.

Điều 6. Lập, trình thẩm định, phê duyệt Kế hoạch sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích

1. Vào thời gian lập kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước hàng năm, trên cơ sở kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm của thành phố, các Sở chuyên ngành quản lý trong lĩnh vực công ích lập Kế hoạch sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích năm sau thuộc dự toán chi của ngân sách thành phố; các đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện (Phòng Kinh tế và Hạ tầng/Phòng Quản lý đô thị), Ủy ban nhân dân cấp xã lập Kế hoạch sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích năm sau thuộc dự toán chi của ngân sách cấp huyện, cấp xã.

Trước ngày 30/9 hàng năm, các đơn vị được giao nhiệm vụ lập Kế hoạch gửi Tờ trình phê duyệt Kế hoạch đến Sở Kế hoạch và Đầu tư đối với các sản phẩm, dịch vụ công ích thuộc dự toán chi của ngân sách thành phố, Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với các sản phẩm, dịch vụ công ích thuộc dự toán chi của ngân sách cấp huyện, cấp xã.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì cùng Sở Tài chính tổ chức thẩm định, lập Báo cáo thẩm định Kế hoạch, trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, phê duyệt Kế hoạch sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích thuộc dự toán chi của ngân sách thành phố.

Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thẩm định, lập Báo cáo thẩm định Kế hoạch, trình Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, phê duyệt Kế hoạch sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích thuộc dự toán chi của ngân sách cấp huyện, cấp xã.

3. Ủy ban nhân dân thành phố quyết định phê duyệt Kế hoạch sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích đối với các sản phẩm, dịch vụ công ích

thuộc dự toán chi của ngân sách thành phố và giao các Sở chuyên ngành quản lý trong lĩnh vực công ích tổ chức thực hiện.

Ủy ban nhân dân thành phố phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phê duyệt Kế hoạch sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích thuộc dự toán chi của ngân sách cấp huyện, cấp xã và giao các đơn vị trực thuộc (Phòng Kinh tế và Hạ tầng/Phòng Quản lý đô thị), Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thực hiện.

Chương II

ĐẤU THẦU THỰC HIỆN SẢN XUẤT VÀ CUNG ỨNG SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG ÍCH

Điều 7. Điều kiện tổ chức đấu thầu thực hiện sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích

Việc tổ chức đấu thầu sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích chỉ được thực hiện khi có đủ các điều kiện sau:

1. Được Ủy ban nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt phương thức cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích theo phương thức đấu thầu tại Kế hoạch sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích.

2. Đáp ứng quy định tại Điều 10 Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích.

Điều 8. Ủy quyền phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, phê duyệt dự toán và quyết toán khi thực hiện sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích theo phương thức đấu thầu

Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ủy quyền cho Giám đốc các Sở chuyên ngành quản lý trong lĩnh vực công ích phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, phê duyệt dự toán và quyết toán khi thực hiện sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích theo phương thức đấu thầu thuộc dự toán chi của ngân sách thành phố.

Điều 9. Quy trình lựa chọn nhà thầu sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích

Quy trình lựa chọn nhà thầu sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích thực hiện theo quy trình lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu cung cấp dịch vụ phi tư vấn, gói thầu mua sắm hàng hóa thuộc dự án, được quy định tại Điều 82 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.

Chương III
ĐẶT HÀNG THỰC HIỆN SẢN XUẤT VÀ CUNG ỨNG
SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG ÍCH

Điều 10. Điều kiện đặt hàng sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích

1. Đáp ứng quy định tại Điều 21 Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích.

2. Được Ủy ban nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt phương thức cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích theo phương thức đặt hàng tại Kế hoạch sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích.

Điều 11. Ủy quyền phê duyệt dự toán và quyết toán khi thực hiện sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích theo phương thức đặt hàng

Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ủy quyền cho Giám đốc các Sở chuyên ngành quản lý trong lĩnh vực công ích phê duyệt dự toán và quyết toán khi thực hiện sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích theo phương thức đặt hàng thuộc dự toán chi của ngân sách thành phố.

Điều 12. Trình tự đặt hàng sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích

1. Căn cứ vào Kế hoạch sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích, các đơn vị được Ủy ban nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân cấp huyện giao nhiệm vụ đặt hàng lập hồ sơ đặt hàng sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích theo quy định tại Điều 13 Quy chế này gửi Sở Tài chính, Phòng Tài chính - Kế hoạch thẩm định. Thời gian thẩm định hồ sơ đặt hàng sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích tối đa là 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

Trong trường hợp có từ 02 nhà sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích trở lên có đủ điều kiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 10 Quy chế này đề xuất tham gia thì ưu tiên lựa chọn nhà sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích theo phương thức đặt hàng tự nguyện giảm giá cao nhất.

2. Sau khi thẩm định hồ sơ đặt hàng, Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân thành phố, Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phê duyệt đặt hàng.

3. Sau khi có quyết định phê duyệt đặt hàng, các đơn vị được giao nhiệm vụ đặt hàng thương thảo, ký hợp đồng với nhà sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích.

Điều 13. Hồ sơ đặt hàng sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích

Hồ sơ đặt hàng sản xuất và cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích gồm:

1. Tờ trình đề nghị phê duyệt đặt hàng sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích.

2. Dự thảo quyết định phê duyệt đặt hàng sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích.

3. Tài liệu kèm theo:

a. Thuyết minh đặt hàng, bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

- Đơn vị nhận đặt hàng (tên đơn vị, trụ sở chính, giấy phép kinh doanh, vốn điều lệ).

- Thời gian đặt hàng; địa bàn đặt hàng.

- Đánh giá năng lực của đơn vị nhận đặt hàng: Năng lực về tài chính, trình độ kỹ thuật, công nghệ sản xuất, trình độ quản lý và tay nghề của người lao động.

- Đánh giá kết quả thực hiện đặt hàng năm hiện hành (nếu có). Trong đó, phân tích rõ nguyên nhân tăng, giảm về khối lượng và giá trị giữa thực hiện đặt hàng so với quyết định đặt hàng được duyệt (phương án sau điều chỉnh nếu có).

- Thuyết minh cụ thể nguyên tắc, cơ sở đề xuất khối lượng đặt hàng năm kế hoạch (gồm khối lượng đặt hàng thường xuyên, đặt hàng không thường xuyên).

- Thuyết minh căn cứ áp dụng đơn giá để xác định giá trị đặt hàng;

- Thuyết minh, so sánh giữa phương án đặt hàng năm kế hoạch so với ước thực hiện của năm hiện hành; đánh giá, phân tích cụ thể nguyên nhân tăng, giảm (nếu có).

- Thuyết minh, giải trình một số nội dung khác có liên quan (nếu có).

b. Biểu mẫu:

- Biểu mẫu tổng hợp phương án đề xuất đặt hàng.

- Các biểu mẫu chi tiết thuyết minh số liệu.

Tùy từng lĩnh vực sản phẩm, dịch vụ công ích, các đơn vị xây dựng các biểu mẫu về khối lượng, đơn giá, giá trị đặt hàng cho phù hợp.

c. Các văn bản pháp lý liên quan.

Điều 14. Một số chỉ tiêu chủ yếu trong hồ sơ đặt hàng

1. Chỉ tiêu khối lượng: Được thiết lập cho từng lĩnh vực sản phẩm, dịch vụ công ích gồm có các nội dung công việc đặt hàng thường xuyên và không thường xuyên.

a. Nội dung công việc đặt hàng thường xuyên: Gồm các chỉ tiêu về khối lượng sản phẩm, dịch vụ công ích chủ yếu thực hiện đặt hàng hàng năm, do các đơn vị được Ủy ban nhân dân các cấp giao nhiệm vụ đặt hàng chủ trì đề xuất. Khối lượng đặt hàng công việc thường xuyên được xác định trên cơ sở định mức kinh tế kỹ thuật có tính đến yếu tố thực tiễn của từng lĩnh vực, từng địa bàn và khả năng cân đối ngân sách hàng năm.

b. Nội dung công việc đặt hàng không thường xuyên: Gồm các chỉ tiêu danh mục, khối lượng công việc cụ thể không thực hiện thường xuyên. Đây là các công việc cần thiết phải thực hiện trên cơ sở phù hợp khả năng cân đối ngân sách hàng năm.

2. Giá, đơn giá:

a. Giá, đơn giá: Được xác định trên cơ sở áp dụng các tập đơn giá do Ủy ban nhân dân thành phố ban hành hoặc căn cứ theo định mức kinh tế kỹ thuật do các Bộ ban hành, những quy định của Nhà nước về cơ chế, chính sách tiền lương, giá nguyên nhiên vật liệu trong từng thời điểm và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

b. Giá trị đặt hàng là tổng giá trị khối lượng thực hiện đặt hàng, tính theo giá, đơn giá đặt hàng, được nhà nước thanh toán cho đơn vị nhận đặt hàng.

3. Doanh thu từ hoạt động sản xuất và cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích (nếu có): Xác định số thu (tạm tính) từ hoạt động sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích; số thu được để lại theo quy định; số thu để giảm trừ phần kinh phí được nhà nước đặt hàng.

4. Tỷ lệ giảm giá: Căn cứ tình hình kinh tế xã hội, khả năng cân đối ngân sách và năng lực của các nhà sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích, Ủy ban nhân dân thành phố quyết định tỷ lệ giảm giá theo từng lĩnh vực sản phẩm, dịch vụ công ích hoặc các nhà sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích tự nguyện đề nghị tỷ lệ giảm giá khi nhận đặt hàng (nếu có).

Chương IV

GIAO KẾ HOẠCH THỰC HIỆN SẢN XUẤT VÀ CUNG ỨNG SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG ÍCH

Điều 15. Giao kế hoạch thực hiện sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích

1. Việc giao kế hoạch thực hiện sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích được thực hiện theo quy định tại Chương 4 Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích.

2. Việc thanh toán, quyết toán sản phẩm, dịch vụ công ích được sản xuất và cung ứng bằng phương thức giao kế hoạch thực hiện theo quy theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Chương V **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 16. Trách nhiệm của các cơ quan có liên quan

1. Trách nhiệm của bên mời thầu, cơ quan đặt hàng

a. Tổ chức lựa chọn nhà thầu, nhà sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích theo phân cấp quản lý, đảm bảo theo đúng quy định.

b. Quản lý và sử dụng nguồn kinh phí được giao theo đúng quy định hiện hành, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả; thực hiện tạm ứng, thanh toán và quyết toán sản phẩm, dịch vụ công ích theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Ngân sách Nhà nước và văn bản pháp luật khác có liên quan.

c. Tổ chức thực hiện các quy định của Nhà nước về quản lý, giám sát, nghiệm thu sản phẩm, khối lượng, chất lượng và giá trị hợp đồng đã ký kết với nhà thầu, nhà sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích.

d. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Phòng Tài chính – Kế hoạch và đơn vị có liên quan báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định xử lý các trường hợp đặc thù (nếu có).

2. Các Sở chuyên ngành quản lý lĩnh vực công ích

a. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng hoặc điều chỉnh định mức kinh tế kỹ thuật, giá, đơn giá đối với từng danh mục sản phẩm, dịch vụ công ích cho phù hợp với tình hình thực tế và khả năng ngân sách của thành phố; tổ chức thẩm định, trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt làm căn cứ xây dựng dự toán để tổ chức thực hiện sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích thuộc lĩnh vực chuyên ngành quản lý.

b. Xây dựng phương án trợ giá, trợ cấp đối với từng danh mục sản phẩm, dịch vụ công ích gửi Sở Tài chính thẩm định, trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định mức trợ giá, trợ cấp cụ thể.

c. Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện áp dụng định mức kinh tế kỹ thuật, đơn giá cho phù hợp với từng lĩnh vực, từng địa bàn và điều kiện cụ thể của từng địa phương, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả; hướng dẫn các điều kiện về năng lực tài chính, trình độ kỹ thuật, công nghệ sản xuất, trình độ quản lý và tay nghề của người lao động phù hợp với từng lĩnh vực làm cơ sở cho việc đấu thầu,

đặt hàng, giao kế hoạch sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích; hướng dẫn quy trình giám sát, nghiệm thu từng lĩnh vực sản phẩm, dịch vụ công ích để áp dụng trên địa bàn thành phố.

d. Xây dựng và trình Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quy định về quản lý sản phẩm, dịch vụ công ích thuộc lĩnh vực chuyên ngành quản lý, trong đó phải quy định về chất lượng, quy cách, định mức thực hiện, giá, đơn giá để làm cơ sở giám sát, đánh giá hiệu quả việc sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích.

3. Trách nhiệm của Sở Tài chính, Phòng Tài chính - Kế hoạch

a. Hàng năm, trên cơ sở kinh phí thực hiện đã được Ủy ban nhân dân cùng cấp phê duyệt tại Kế hoạch sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích năm sau, tổng hợp dự toán, tham mưu Ủy ban nhân dân cùng cấp bố trí, giao đủ dự toán ngân sách để thực hiện sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích cho năm sau thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp mình.

Trường hợp phát sinh kinh phí thực hiện, căn cứ nội dung Kế hoạch sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích đã được phê duyệt điều chỉnh; tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân cùng cấp bố trí, bổ sung kinh phí thực hiện.

b. Thẩm định hồ sơ đặt hàng trình Ủy ban nhân dân cùng cấp phê duyệt.

c. Thẩm tra số liệu quyết toán, hướng dẫn hạch toán theo Mục lục ngân sách theo các quy định quản lý tài chính hiện hành; hàng năm tham mưu Ủy ban nhân dân cùng cấp cân đối, bố trí kinh phí cho các đơn vị được giao tổ chức thực hiện và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích để thực hiện việc khảo sát, nghiên cứu và xây dựng Kế hoạch sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích năm sau.

d. Sở Tài chính thẩm định phương án trợ giá và trợ cấp sản phẩm, dịch vụ công ích, trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định mức trợ giá và trợ cấp cụ thể.

đ. Phòng Tài chính - Kế hoạch thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích thuộc dự toán chi của ngân sách cấp huyện trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt.

4. Trách nhiệm của Sở Kế hoạch và Đầu tư

a. Thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích thuộc dự toán chi của ngân sách thành phố.

b. Hướng dẫn các đơn vị được giao nhiệm vụ tổ chức lựa chọn nhà thầu thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đấu thầu.

5. Trách nhiệm của Kho bạc Nhà nước thành phố

Thực hiện kiểm soát, tạm ứng, thanh toán kịp thời theo quy định tại Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ và các quy định pháp luật khác có liên quan; hết năm ngân sách xác nhận số kinh phí thanh toán trong năm của đơn vị sử dụng ngân sách theo đúng quy định.

6. Trách nhiệm của Cục Thuế thành phố

Hướng dẫn, kiểm tra và đôn đốc các doanh nghiệp, hợp tác xã, các tổ chức, cá nhân chấp hành nghĩa vụ kê khai, quyết toán, nộp ngân sách; thực hiện các chính sách ưu đãi về thuế, phí, lệ phí; quản lý sử dụng hóa đơn, biên lai theo các quy định của pháp luật về thuế, phí, lệ phí, Luật Quản lý thuế và các văn bản quy định về hóa đơn, biên lai thu phí, lệ phí hiện hành trong thực hiện sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích.

7. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

a. Chỉ đạo tổ chức lựa chọn nhà thầu, nhà sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích do địa phương quản lý theo phân cấp.

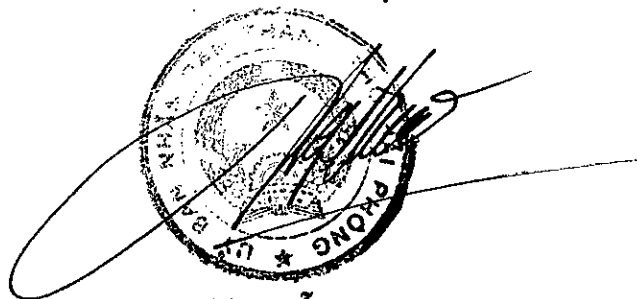
b. Chỉ đạo cân đối, bố trí dự toán hàng năm và quyết toán chi trong ngân sách cấp huyện, cấp xã đối với các nhiệm vụ chi theo phân cấp.

c. Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra các đơn vị trực thuộc, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn thực hiện các quy định của nhà nước và thành phố về quản lý, giám sát, nghiệm thu, thanh toán, quyết toán hợp đồng sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích.

Điều 17. Xử lý chuyển tiếp

Đối với hợp đồng thực hiện sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích đã được ký kết trước ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành được tiếp tục thực hiện đến hết thời gian quy định trong hợp đồng./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Tùng